

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng hơn 5 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,265. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 11/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hàng & Dịch vụ công nghiệp dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bán lẻ. Ở chiều ngược lại, ngành Truyền thông giảm mạnh nhất gần 6%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng nhẹ trên sàn HNX. Thanh khoản hiện tại vẫn cho thấy sự ủng hộ của thị trường với đà hồi phục ngắn hạn của VN-Index. Trong những phiên tới, chỉ số có thể tiếp tục quán tính tăng điểm về ngưỡng 1,280.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 24/01/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+5.42** điểm, đóng cửa tại **1265.05** điểm. HNX-Index **+0.34** điểm, đóng cửa tại **223.01** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+0.93)**, **GAS (+0.51)**, **LPB (+0.40)**, **GVR (+0.34)**, **BCM (+0.33)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-0.31)**, **HPG (-0.15)**, **BSR (-0.15)**, **HVN (-0.13)**, **CTG (-0.13)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **11,071** tỷ đồng, giảm **-6.91%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 12,175 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 6.92 điểm. Thị trường có **258** mã tăng, 61 mã tham chiếu, **195** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **634.20** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **LPB (235.60 tỷ)**, **MSN (144.19 tỷ)**, **PC1 (70.81 tỷ)**, **GMD (52.92 tỷ)**, **HDB (50.14 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -12.13 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.43%**. Các mã diễn biến tích cực: **MWG (+3.14%)**, **SSI (+3.07%)**, **FPT (+3.07%)**.
- BSC50 **+1.24%**. Các mã diễn biến tích cực: **VCI (+5.50%)**, **SHS (+3.23%)**, **BSI (+3.16%)**.

Hiệu suất các chỉ số (Cập nhật đến ngày 23/01)

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.43%	1.24%	1.38%	1.74%
1 tuần	-3.83%	-3.32%	-2.03%	-2.37%
1 tháng	-1.25%	1.88%	0.23%	-0.23%
3 tháng	1.15%	-0.89%	0.20%	0.78%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,265.05	223.01	94.30
% 1D	0.43%	0.15%	0.45%
GTGD (tỷ VND)	11,071	548	780
%1D	-6.91%	-7.98%	44.93%
GDNN (tỷ VND)	634.20	-12.13	-7.15

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
LPB	235.60	FPT	-177.47
MSN	144.19	FRT	-54.59
PC1	70.81	VRE	-38.20
GMD	52.92	CTR	-17.36
HDB	50.14	BMP	-16.44

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,119	0.53%	2.84%
FTSE100	8,574	0.11%	0.81%
Eurostoxx	5,249	0.99%	1.81%
Shanghai	3,254	0.74%	0.38%
Nikkei	39,963	-0.10%	3.97%

Nguồn: Bloomberg

Giá trị %

Hàng hóa

Giá dầu Brent	78.17	-0.75%
Giá vàng	2,774	0.44%

Tỷ giá

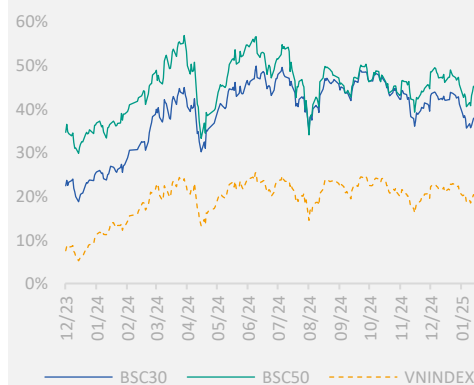
USD/VND	25,250	-0.28%
EUR/VND	26,896	0.07%
JPY/VND	164	0.00%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	3.1%	0.02%
LS LNH 1M	4.8%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



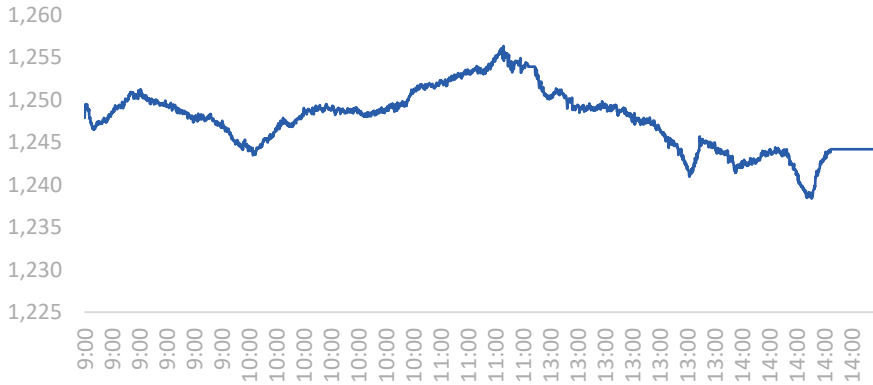
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1355.50	0.31%	32	-24%	9/18/2025	237
VN30F2502	1343.90	0.37%	156,520	-33%	2/20/2025	27
VN30F2503	1351.30	0.24%	230	-56%	3/20/2025	55
VN30F2506	1349.50	0.10%	54	-69%	6/19/2025	146

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +5.05 điểm, đóng cửa tại 1337.59 điểm. Biên độ dao động 9.26 điểm. Các cổ phiếu như MSN, MWG, TCB, MBB, HDB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 duy trì được sắc xanh từ đầu phiên với thanh khoản ghi nhận sự cải thiện rõ rệt so với 5 phiên trước đó. Chiến lược là Long/short linh hoạt.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2506.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTCB2501	7/28/2025	185	3,500	-73.90%	2.40	2,030	8.0%	11.20	6.46	24.75	24.75
CTCB2501	7/28/2025	185	3,500	-73.90%	2.40	2,030	8.0%	11.20	6.46	24.75	24.75
CSTB2404	3/6/2025	41	129,500	-73.14%	3.10	1,710	4.3%	8.48	9.94	37.00	37.00
CHPG2409	11/4/2025	284	275,500	-74.09%	2.50	1,460	3.5%	8.05	6.88	26.55	26.55
CMWG2504	3/26/2026	426	482,000	-70.38%	6.60	2,240	3.2%	10.77	17.80	60.10	60.10
CVPB2502	3/26/2026	426	17,800	-71.53%	2.10	1,640	2.5%	8.46	5.38	18.90	18.90
CVIB2407	11/4/2025	284	574,100	-69.98%	1.80	2,200	2.3%	9.46	6.20	20.65	20.65
CVIB2407	11/4/2025	284	574,100	-69.98%	1.80	2,200	2.3%	9.46	6.20	20.65	20.65
CVNM2503	3/26/2026	426	18,600	-72.88%	6.85	2,020	1.5%	11.23	16.87	62.20	62.20
CTCB2403	11/4/2025	284	83,200	-72.73%	2.60	830	1.2%	4.45	6.75	24.75	24.75
CTCB2403	11/4/2025	284	83,200	-72.73%	2.60	830	1.2%	4.45	6.75	24.75	24.75
CTCB2404	8/14/2025	202	3,900	-68.48%	2.50	1,060	1.0%	4.46	7.80	24.75	24.75
CVRE2407	11/4/2025	284	388,900	-73.78%	1.60	1,370	0.7%	7.50	4.34	16.55	16.55
CSTB2402	5/21/2025	117	724,300	-70.32%	3.00	2,660	-0.4%	11.35	10.98	37.00	37.00
CHPG2505	3/26/2026	426	18,100	-70.85%	3.00	2,370	-0.8%	11.86	7.74	26.55	26.55
CFPT2402	7/28/2025	185	78,700	-70.54%	13.41	8,000	-0.9%	35.32	45.18	153.40	153.40
CVHM2408	11/4/2025	284	1,329,600	-71.54%	3.80	1,860	-1.6%	8.96	11.24	39.50	39.50
CFPT2404	11/4/2025	284	9,900	-56.24%	12.02	3,700	-2.1%	9.52	67.13	153.40	153.40
CFPT2405	8/14/2025	202	2,000	-67.31%	13.41	3,700	-2.6%	14.13	50.15	153.40	153.40
CMBB2501	7/28/2025	185	707,500	-73.93%	2.09	1,440	-4.0%	7.81	5.84	22.40	22.40

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 24/01/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CMSN2408 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 30.00%. CVHM2408 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.15%.
- CFPT2404, CFPT2405, CTCB2404, CVIB2407, CMBB2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CSTB2503, CSTB2504, CMSN2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MSN	68.00	3.98%	1.75
MWG	60.10	1.52%	1.07
TCB	24.75	0.61%	0.69
MBB	22.40	0.90%	0.59
HDB	22.65	1.12%	0.55

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	153.40	-0.58%	-0.90
HPG	26.55	-0.38%	-0.35
CTG	38.00	-0.26%	-0.08
SAB	53.80	-0.37%	-0.03
PLX	39.50	-0.25%	-0.01

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSN	68.00	3.98%	0.93	1.44
GAS	67.90	1.34%	0.51	2.34
LPB	35.85	1.56%	0.40	2.99
GVR	28.80	1.23%	0.34	4.00
BCM	69.30	1.91%	0.33	1.04

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

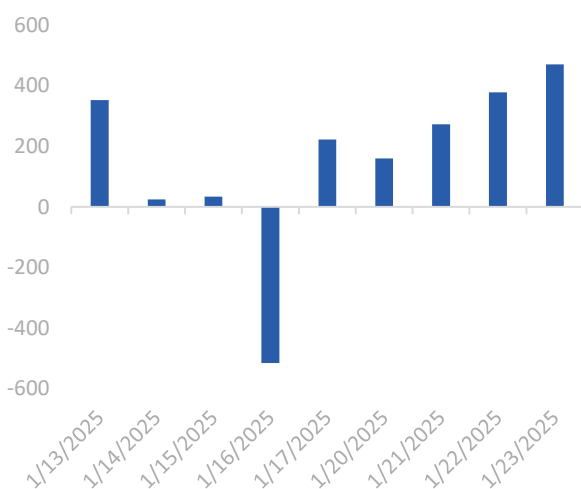
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VNR	23.10	5.00%	0.13	0.18
BAB	12.00	1.69%	0.12	0.90
CDN	38.00	3.26%	0.08	0.10
NTP	61.00	1.33%	0.07	0.14
IDC	54.70	0.37%	0.04	0.33

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Hình 1
Giao dịch tự doanh


Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	153.40	-0.58%	-0.31	1.47
HPG	26.55	-0.38%	-0.15	6.40
BSR	20.30	-0.98%	-0.15	3.10
HVN	26.85	-0.92%	-0.13	2.21
CTG	38.00	-0.26%	-0.13	5.37

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

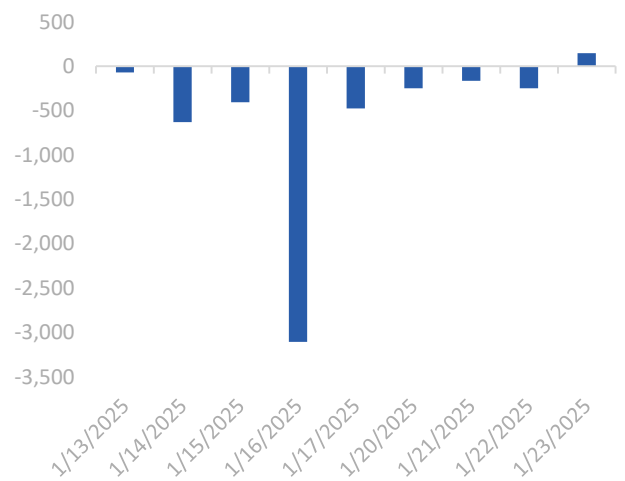
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	160.00	-3.03%	-0.62	0.20
PVS	33.00	-1.20%	-0.12	0.48
PVI	63.00	-0.79%	-0.07	0.23
NVB	8.90	-1.11%	-0.07	1.17
PTI	22.10	-3.49%	-0.04	0.08

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã CK	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	92.6	0.10%	0.6	20,661	3.5	6,194	14.9	-	22.9%	Link
BID	Ngân hàng	40.0	0.30%	1.3	11,014	3.7	4,106	9.7	-	16.8%	Link
VPB	Ngân hàng	18.9	0.00%	1.0	5,986	8.5	1,989	9.5	-	25.0%	Link
TCB	Ngân hàng	24.8	0.60%	1.4	6,980	10.2	3,046	8.1	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	22.4	0.90%	1.1	5,457	8.8	4,021	5.6	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	37.0	0.00%	1.4	2,785	7.1	4,640	8.0	-	22.9%	Link
CTG	Ngân hàng	38.0	-0.30%	1.6	8,146	7.7	4,035	9.4	-	26.9%	Link
ACB	Ngân hàng	25.4	0.20%	0.9	4,520	5.0	3,759	6.7	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	25.2	0.40%	1.6	1,978	9.8	1,490	16.9	-	39.5%	Link
IDC	Xây dựng	54.7	0.40%	1.1	721	1.3	6,634	8.2	65,700	22.5%	Link
HPG	Xây dựng	26.6	-0.40%	1.1	6,779	11.0	1,905	13.9	41,500	21.5%	Link
HSG	VLXD	17.4	0.30%	1.6	433	1.7	836	20.9	25,300	9.2%	Link
VHM	BĐS	39.5	0.00%	0.6	6,477	7.6	4,700	8.4	108,300	12.3%	Link
KDH	BĐS	34.8	0.60%	1.1	1,403	2.7	522	66.6	44,500	37.1%	Link
NLG	BĐS	36.4	6.60%	1.3	560	2.6	793	45.9	-	43.3%	Link
DGC	Hóa chất	111.4	0.40%	1.4	1,689	4.6	7,791	14.3	115,000	17.7%	Link
DCM	Phân bón	33.5	0.40%	1.0	708	1.5	2,917	11.5	38,700	5.8%	Link
GAS	Dầu khí	67.9	1.30%	0.4	6,350	1.2	4,728	14.4	-	1.7%	Link
PVS	Dầu khí	33.0	-1.20%	1.2	630	3.2	1,919	17.2	57,000	19.3%	Link
PVD	Dầu khí	23.6	0.20%	1.5	524	2.1	1,211	19.5	38,400	9.6%	Link
POW	Dầu khí	11.5	0.40%	0.7	1,075	2.7	597	19.3	17,100	3.6%	Link
VHC	Thủy sản	68.1	-1.30%	1.3	610	1.4	3,814	17.9	108,500	27.3%	Link
GMD	Logistics	63.9	3.10%	0.8	1,056	3.3	4,315	14.8	90,400	45.6%	Link
VNM	Bán lẻ	62.2	0.30%	0.4	5,189	3.9	4,591	13.5	93,100	51.3%	Link
MSN	Bán lẻ	68.0	4.00%	0.9	4,107	18.1	898	75.8	110,000	26.3%	Link
MWG	Bán lẻ	60.1	1.50%	1.1	3,506	16.2	2,028	29.6	-	45.9%	Link
PNJ	Bán lẻ	97.6	0.50%	1.2	1,316	1.8	5,960	16.4	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	38.0	1.20%	1.8	332	1.6	1,809	21.0	66,600	19.6%	Link
FPT	Bán lẻ	153.4	-0.60%	1.2	9,008	22.4	5,129	29.9	107,900	45.0%	Link
CTR	Hạ tầng	131.6	-1.30%	1.5	601	4.4	4,640	28.4	-	9.8%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã CK	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	22.6	1.10%	1.2	3,160	10.1	4,461	5.1	1.3	17.4%	29.1%
VIB	Ngân hàng	20.6	1.00%	1.1	2,456	7.4	2,412	8.6	1.5	5.0%	18.9%
TPB	Ngân hàng	16.4	0.60%	1.4	1,735	5.5	1,840	8.9	1.2	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.2	0.90%	1.1	1,157	1.2	1,687	6.6	0.8	27.5%	13.3%
EIB	Ngân hàng	18.6	1.10%	0.8	1,379	7.7	1,447	12.8	1.4	2.3%	11.8%
HCM	Chứng khoán	29.2	-0.20%	1.9	841	5.9	1,444	20.3	2.0	44.2%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.4	-0.30%	1.6	986	5.6	1,268	27.1	1.9	24.9%	10.2%
VND	Chứng khoán	12.0	0.00%	1.6	729	2.6	1,129	10.6	0.9	11.4%	13.0%
BSI	Chứng khoán	46.4	1.60%	2.0	414	0.7	1,852	25.1	2.0	41.0%	8.1%
SHS	Chứng khoán	12.8	0.00%	1.8	416	2.9	1,244	10.3	0.9	2.4%	9.1%
CTD	Xây dựng	73.3	0.10%	1.4	292	1.3	3,361	21.8	0.8	49.0%	3.9%
HHV	Xây dựng	12.2	-1.20%	1.5	211	2.8	835	14.7	0.6	9.2%	4.5%
LCG	Xây dựng	10.4	-0.50%	1.5	80	0.6	825	12.6	0.8	2.1%	6.2%
SZC	BĐS KCN	42.3	-0.90%	1.0	304	1.4	1,678	25.2	2.5	2.3%	12.0%
SIP	BĐS KCN	81.5	-0.60%	1.3	685	0.8	5,635	14.5	4.1	4.6%	29.7%
PHR	BĐS KCN	52.0	-0.80%	0.9	281	0.2	2,858	18.2	1.8	18.0%	10.5%
DIG	BĐS	17.7	-2.70%	1.6	431	12.4	135	131.4	1.4	4.2%	1.0%
CEO	BĐS	12.4	0.00%	2.0	268	1.4	316	39.3	1.1	4.0%	2.1%
KBC	BĐS KCN	29.0	-1.40%	1.3	889	4.7	549	52.8	1.2	19.3%	2.6%
VGC	BĐS KCN	49.7	0.40%	1.2	890	2.5	1,312	37.9	2.7	4.8%	5.9%
GVR	BĐS KCN	28.8	1.20%	1.7	4,599	1.9	851	33.8	2.2	0.3%	7.3%
NKG	VLXD	13.3	-1.50%	1.6	238	2.3	1,736	7.7	0.6	7.9%	8.1%
BMP	VLXD	126.8	1.00%	1.2	414	1.7	12,420	10.2	3.5	83.9%	34.4%
IJC	BĐS	13.6	0.70%	1.2	205	0.5	729	18.7	1.0	4.6%	6.3%
DXG	BĐS	15.2	0.70%	1.4	530	3.8	197	77.4	1.0	19.1%	1.7%
VRE	BĐS	16.6	0.60%	1.1	1,501	3.5	1,795	9.2	0.9	18.5%	10.5%
PDR	BĐS	19.1	2.70%	1.8	666	5.8	500	38.2	1.5	7.6%	7.6%
DIG	BĐS	17.7	-2.70%	1.6	431	12.4	135	131.4	1.4	4.2%	1.0%
HUT	Xây dựng	15.7	0.00%	0.7	559	0.5	75	208.9	1.6	1.4%	1.3%
C4G	Xây dựng	8.0	0.00%	1.0	-	0.1	573	14.0	0.7	0.0%	5.3%
CSV	Hóa chất	42.2	-1.70%	1.6	186	2.3	2,122	19.9	3.2	2.9%	17.4%
DHC	Hóa chất	36.2	-0.40%	1.1	116	0.4	3,330	10.9	1.5	40.5%	14.1%
DRC	Cao su	27.8	1.10%	0.9	132	0.1	1,950	14.2	1.7	8.8%	14.4%
PC1	Tiện ích	23.0	0.70%	1.2	328	1.4	1,511	15.2	1.3	13.1%	9.7%
HDG	Tiện ích	26.6	-0.90%	1.5	356	1.3	2,116	12.5	1.4	19.8%	12.6%
GEX	Tiện ích	20.2	6.90%	1.5	693	16.5	1,207	16.7	1.3	6.0%	7.1%
QTP	Tiện ích	13.5	-1.50%	0.5	-	0.1	1,500	9.0	1.1	0.9%	12.5%
PLX	Dầu khí	39.5	-0.30%	0.7	2,004	0.9	2,350	16.8	2.0	17.4%	11.6%
BSR	Dầu khí	20.3	-1.00%	1.1	2,513	2.5	966	21.0	1.1	0.5%	5.3%
PLC	Dầu khí	24.6	0.00%	1.3	79	0.3	611	40.3	1.6	0.3%	3.9%
ANV	Thủy sản	17.2	-6.00%	1.3	183	3.5	315	54.6	0.8	1.1%	1.4%
PTB	VLXD	62.4	2.00%	1.2	167	0.5	4,944	12.6	1.5	23.4%	11.8%
VSC	Logistics	17.5	2.90%	1.1	200	3.6	737	23.7	1.2	2.6%	8.0%
HAH	Logistics	49.7	-1.20%	1.0	241	2.3	3,571	13.9	2.0	13.8%	14.9%
DBC	Bán lẻ	25.4	-1.00%	1.7	339	2.4	1,604	15.8	1.3	8.4%	9.6%
FRT	Bán lẻ	206.0	3.80%	0.9	1,120	7.3	775	265.9	15.5	36.8%	9.0%
QNS	Bán lẻ	50.6	0.00%	0.5	-	0.6	6,553	7.7	2.0	13.4%	27.8%
TNG	Dệt may	24.0	0.80%	1.2	118	0.7	2,574	9.3	1.6	16.3%	16.3%
PVT	Logistics	26.1	-0.90%	1.1	371	1.1	3,130	8.3	1.2	12.5%	15.6%
DPM	Phân bón	34.6	0.60%	1.1	540	1.8	1,700	20.3	1.2	8.6%	5.9%
REE	Tiện ích	65.0	-1.40%	1.0	1,222	3.1	3,860	16.8	1.7	49.0%	10.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
2	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
13	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
15	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
16	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
20	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Đỗ Thu Phương

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Định lượng

Phuongdt@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659 ☎

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>